

Số: 80/QĐ-ĐHCNTT&TT

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chi tiết quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV  
Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông

## HIỆU TRƯỞNG

### TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy định về cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị ban hành theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 28 tháng 09 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Phòng Công tác HSSV,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông.

**Điều 2.** Quy định này được áp dụng từ năm học 2013-2014. Những quy định trước đây trái với quy định này bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *AWZ*

- BGH (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTHSSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Vũ Vinh Quang

## QUY ĐỊNH CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 80/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin & Truyền thông)

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHẤM ĐIỂM RÈN LUYỆN

**Điều 1. Đánh giá về ý thức học tập (khung điểm đánh giá từ 0 - 30 điểm)**

1.1. Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự và nghiêm túc trong giờ học: **5 điểm**

- Nghỉ học không lý do, bỏ tiết trừ 1 điểm/1 lần.
- Vào học muộn 2 lần trừ 1 điểm.
- Mất trật tự, làm việc riêng, có thái độ không nghiêm túc trong giờ học trừ 1 điểm/1 lần.
- Sử dụng điện thoại trong giờ học trừ 2 điểm/1 lần.

1.2. Có tinh thần cố gắng vươn lên trong học tập: **5 điểm**

- Điểm trung bình chung của học kì đang xét cao hơn điểm của học kì trước được 5 điểm, bằng học kì trước được 3 điểm, kém hơn nhận 0 điểm.

1.3. Chuẩn bị bài, làm bài tập đầy đủ: **5 điểm**

1.4. Đánh giá về kết quả học tập, tối đa: **8 điểm**

1.4.1. Đối với các lớp niên chế (NC): Không phải thi lại môn nào và

$5,00 \leq \text{TBCHT} < 6,00$ (Theo NC)	3 điểm
$6,00 \leq \text{TBCHT} < 7,00$ (Theo NC)	6 điểm
$\text{TBCHT} \geq 7,00$ (Theo NC)	8 điểm

1.4.2. Đối với các lớp tín chỉ (TC): Tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu và

$1,00 \leq \text{TBCHT} < 2,00$ (Theo TC)	3 điểm
$2,00 \leq \text{TBCHT} < 3,00$ (Theo TC)	6 điểm
$\text{TBCHT} \geq 3,00$ (Theo TC)	8 điểm

1.5. Không vi phạm quy chế thi và kiểm tra, tối đa: **7 điểm**

**Điều 2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường (khung điểm đánh giá từ 0 - 25 điểm)**

2.1. Có ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, giữ gìn vệ sinh, để xe đúng nơi quy định: **5 điểm**

- Thiếu ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, mỗi lần trừ 1 điểm, mỗi lần vứt rác không đúng nơi quy định trừ 1 điểm, để xe không đúng nơi quy định trừ 1 điểm.

- Trường hợp sinh viên cố ý làm hư hỏng tài sản nhà trường trừ 25 điểm ở mục 2.

2.2. Thực hiện nếp sống văn hoá, nội quy, quy định trong trường và ngoài nơi ở: **5 điểm**

- Mỗi lần vi phạm trừ 2 điểm, vi phạm 3 lần trở lên trừ 5 điểm.

2.3. Phần dành cho sinh viên nội trú:

- Vi phạm nội quy, quy chế sinh viên nội trú 1 lần trừ 2 điểm, 3 lần trở lên trừ 5 điểm.

2.4. Phần dành cho sinh viên ngoại trú:

- Không đăng ký hoặc khai báo thay đổi địa chỉ ngoại trú nhận 0 điểm.

- Vi phạm nội quy, nếp sống ngoài nơi ở 1 lần trừ 2 điểm, 3 lần trở lên trừ 5 điểm.

**Ghi chú:** Trường hợp HSSV không nộp Sổ theo dõi nội ngoại trú hoặc không có nhận xét ở nội trú, ngoại trú trừ toàn bộ 25 điểm ở mục II.

2.5. Có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc làm đẹp cảnh quan môi trường, giữ gìn vệ sinh chung được tập thể công nhận: **5 điểm**

**Ghi chú:** Sinh viên không thực hiện lao động theo nghĩa vụ trừ 10 điểm/ 1 buổi vắng mặt không lý do, tối đa 20 điểm trong mục II của phiếu điểm.

2.6. Đóng học phí và lệ phí đầy đủ đúng thời hạn: **5 điểm**

- Nộp học phí quá hạn không lý do trừ 5 điểm

**Điều 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, xã hội, văn hoá, văn thể và phòng chống các TNXH (khung điểm đánh giá từ 0 - 20 điểm)**

3.1. Hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, tham gia các đợt sinh hoạt chính trị - xã hội do Trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức: **5 điểm**

- Vắng mặt 1 buổi không lý do: Trừ 5 điểm.

3.2. Tích cực tham gia các buổi sinh hoạt lớp: **5 điểm**

- Bỏ 1 buổi sinh hoạt lớp trừ 2 điểm, không tham gia từ 3 buổi trở lên trừ 5 điểm.

3.3. Không vi phạm các quy định về phòng, chống tội phạm, ma túy và các TNXH: **5 điểm**

- Gây gỗ đánh nhau, liên quan đến ma túy và tệ nạn xã hội trừ 20 điểm ở mục III.

3.4. Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao (có xác nhận của tập thể và GVCN): **5 điểm**

- Tham gia hoạt động của lớp: 2 điểm

- Tham gia hoạt động cấp Khoa trở lên: 5 điểm

**Ghi chú:** Đoàn viên không đóng đoàn phí, HSSV không đóng hội phí trừ 20 điểm ở mục 3.

**Điều 4. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng (khung điểm đánh giá từ 0 - 15 điểm)**

4.1. gương mẫu, chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ở nhà trường, nơi cư trú và ngoài xã hội: **5 điểm**

- Vi phạm an toàn giao thông trừ 5 điểm
- Vi phạm an ninh trật tự hoặc phá hoại tài sản công cộng trừ 15 điểm ở mục 4
- Tuyên truyền hoặc tham gia tuyên truyền tôn giáo trái phép trừ 15 điểm ở mục 4.
- ❖ *Có bằng khen trong thực hiện nghĩa vụ công dân thì nhận 15 điểm ở mục 4.*

4.2. Tham gia các hoạt động vì cộng đồng: đền ơn đáp nghĩa; giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, mồ côi; dũng cảm cứu người, bảo vệ tài sản của nhân dân; quyên góp ủng hộ (Có xác nhận của Nhà trường, địa phương), là thành viên chính thức của Câu lạc bộ Tình nguyện & Tuyên truyền (có xác nhận của Hội sinh viên): **5 điểm**

- ❖ *Trường hợp sinh viên nói tục, chửi thề trừ 15 điểm ở mục 4*

4.3. Có tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình, mạnh dạn đấu tranh để bảo vệ sự đoàn kết trong lớp, trong trường (có xác nhận của tập thể và GVCN): **5 điểm**

**Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, Đoàn thể. Tích cực trong các hoạt động nghiên cứu khoa học (khung điểm đánh giá từ 0 - 10 điểm)**

5.1. Thành viên Ban cán sự lớp, Cán bộ Đoàn - Hội cấp trường, cấp liên chi, cấp chi đoàn hoàn thành nhiệm vụ thì nhận 5 điểm.

5.2. Thành viên các Câu lạc bộ, tổ, đội nhóm trực thuộc Hội sinh viên, Đội an ninh xung kích KTX, thành viên các đội tuyển tham gia thi chuyên môn, phong trào cấp trường trở lên hoàn thành nhiệm vụ: 5 điểm.

5.3. Sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp Trường trở lên được thưởng 10 điểm trong mục V.

**II. PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN**

**Điều 6. Phân loại kết quả rèn luyện**

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 60 đến dưới 70 điểm: loại trung bình khá;

đ) Từ 50 đến dưới 60 điểm: loại trung bình;

e) Từ 30 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

g) Dưới 30 điểm: loại kém.

2. Những học sinh, sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, những sinh viên nợ học phí quá hạn 1 kỳ trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

### **Điều 7. Quy trình đánh kết quả rèn luyện**

1. Các căn cứ xét điểm rèn luyện được các đơn vị liên quan cung cấp trước khi xét điểm rèn luyện bao gồm:

- Phòng Đào tạo: Điểm trung bình chung học các học kì.
- Phòng Thanh tra Khảo thí & ĐBCLGD: Thông tin sinh viên vi phạm quy chế học tập và thi cử.
- Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông tin đóng học phí và các khoản thu khác của sinh viên.
- Phòng Quản lý Khoa học & Quan hệ quốc tế: Thông tin về các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sinh viên.
- Trung tâm Tư vấn & Hỗ trợ sinh viên: Thông tin về tình hình lao động của sinh viên, quá trình rèn luyện của sinh viên nội trú.
- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên: Thông tin về việc đóng Đoàn phí, Hội phí theo quy định, thông tin hoạt động xã hội của sinh viên.
- Phòng Công tác HSSV: Cung cấp thông tin khen thưởng, kỉ luật của sinh viên và có trách nhiệm tập hợp thông tin từ các đơn vị liên quan chuyên các Khoa, Bộ môn trực thuộc làm căn cứ xét điểm rèn luyện cho sinh viên.

2. Từng học sinh, sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do trường quy định.

3. Tổ chức họp lớp có giáo viên chủ nhiệm tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng học sinh, sinh viên trên cơ sở phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp. Điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên được tổng hợp lại vào bảng tổng hợp kết quả rèn luyện có xác nhận của lớp trưởng và giáo viên chủ nhiệm.

4. Kết quả điểm rèn luyện của từng học sinh, sinh viên được thông qua Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện cấp khoa, trình Trưởng khoa xem xét, xác nhận để trình Hội đồng xét điểm rèn luyện cấp trường.

5. Hiệu trưởng xem xét và công nhận sau khi đã thông qua Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường.

6. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của học sinh, sinh viên được công bố công khai và thông báo cho học sinh, sinh viên biết.

### **III. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 8. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên hoặc bộ phận làm công tác học sinh, sinh viên do Hiệu trưởng quyết định.

- Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường: Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp khoa có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên.

a) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa uỷ quyền.

- Các uỷ viên: Trợ lý theo dõi công tác học sinh, sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, đại diện Liên chi đoàn thanh niên, Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp khoa: Căn cứ đề nghị của tập thể đơn vị lớp học sinh, sinh viên giúp Trưởng khoa đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên trong khoa.

#### **Điều 9. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên được tiến hành trong 2 tuần sau khi kết thúc học kỳ, kết thúc năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

Học sinh, sinh viên nghỉ học tạm thời, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá (ĐRLTK) là trung bình chung của điểm rèn luyện các năm học của khoá học đã được nhân hệ số và được tính theo công thức sau:

công thức: 
$$R = \frac{\sum_{i=1}^N ri.ni}{\sum_{i=1}^N ni}$$

Trong đó:

- R là điểm rèn luyện toàn khóa.

- ri là điểm rèn luyện của năm học thứ i (được quy định tại điều 13 của Quy chế 60/2007/QĐ-BGDĐT)

- ni là hệ số của năm học thứ i, Trường quy định như sau:

Năm thứ nhất hệ số là 1

Năm thứ hai hệ số là 1,1

Năm thứ ba, tư hệ số là 1,2

Năm thứ năm hệ số là 1,3

- N là tổng số năm học.

5. ĐRLTK là căn cứ để xếp loại rèn luyện như sau:

ĐRLTK đạt từ 90 đến 100 điểm : xếp loại rèn luyện Xuất sắc

ĐRLTK đạt từ 80 đến cận 90 điểm : xếp loại rèn luyện Tốt

ĐRLTK đạt từ 70 đến cận 80 điểm : xếp loại rèn luyện Khá

ĐRLTK đạt từ 60 đến cận 70 điểm : xếp loại rèn luyện TB khá

ĐRLTK đạt từ 50 đến cận 60 điểm : xếp loại rèn luyện Trung bình

ĐRLTK đạt từ 40 đến cận 50 điểm : xếp loại rèn luyện Yếu

ĐRLTK nhỏ hơn 40 : xếp loại rèn luyện Kém

#### IV. SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Kết quả rèn luyện năm học của từng học sinh, sinh viên là một trong những tiêu chuẩn để xét học tiếp, ngừng học, xét thi đua khen thưởng.

2. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học của từng học sinh, sinh viên là một trong những tiêu chuẩn để xét tốt nghiệp, được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên của trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập của từng học sinh sinh viên khi ra trường.

3. Học sinh, sinh viên có kết quả rèn luyện cao được nhà trường xem xét biểu dương khen thưởng. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải ngừng học ở năm tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ 2 thì sẽ buộc thôi học.

4. Điểm rèn luyện là căn cứ để xét thi đua, khen thưởng toàn diện và trao học bổng cho học sinh, sinh viên. Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc

- Tiêu chuẩn xếp loại danh hiệu cá nhân như sau:

+ Đạt danh hiệu HSSV Khá, nếu xếp loại học tập và rèn luyện từ Khá trở lên;

+ Đạt danh hiệu HSSV Giỏi nếu xếp loại học tập từ Giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ Tốt trở lên;

+ Đạt danh hiệu HSSV Xuất sắc nếu xếp loại học tập và rèn luyện Xuất sắc.

## V. QUYỀN KHIẾU NẠI

Học sinh, sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện của Trường đối với mình bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng nhà trường thông qua Phòng Công tác HSSV. Khi nhận được đơn khiếu nại, Trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho đương sự theo quy định hiện hành.

### Lưu ý:

- Đề nghị các đ/c giáo viên chủ nhiệm cùng ban cán sự lớp, BCH chi đoàn tham khảo kỹ các nội dung trên để tiến hành đánh giá điểm rèn luyện đúng theo quy định đối với từng HSSV.

- GVCN cần ghi điểm do Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện cấp trường xét vào Sổ theo dõi học tập và rèn luyện của HSSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Vũ Vinh Quang



**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

Học kì..... năm học .....

Họ tên sinh viên:.....Lớp..... Trường Đại học CNTT & TT

Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	SV tự đánh giá	Lớp đánh giá
<b>I. Đánh giá ý thức học tập</b>	<b>30 điểm</b>		
1.1. Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học.	5 điểm		
1.2. Có tinh thần cố gắng vươn lên trong học tập.	5 điểm		
1.3. Chuẩn bị bài làm bài tập đầy đủ.	5 điểm		
1.4. Không phải thi lại môn nào và 5,00 ≤ TBCHT < 6,00 (Theo NC)... 1,00 ⇔ TBCHT < 2,00 (Theo TC) 6,00 ≤ TBCHT < 7,00 (Theo NC)... 2,00 ⇔ TBCHT < 3,00 (Theo TC) TBCHT ≥ 7,00 (Theo NC)... ⇔ TBCHT ≥ 3,00 (Theo TC)	3 điểm 6 điểm 8 điểm		
<i>Ghi chú:</i> TC: Tín chỉ; NC: Niên chế.			
1.5. Không vi phạm quy chế thi và kiểm tra.	7 điểm		
<b>II. Đánh giá ý thức chấp hành nội quy, quy chế trong trường</b>	<b>25 điểm</b>		
2.1. Có ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, giữ gìn vệ sinh môi trường.	5 điểm		
2.2. Thực hiện tốt nếp sống văn hoá, nội quy, quy định trong trường.	5 điểm		
2.3. <i>Phần dành cho sinh viên nội trú:</i> Không vi phạm nội quy, quy chế sinh viên nội trú.	5 điểm		
2.4. <i>Phần dành cho sinh viên ngoại trú:</i> Không vi phạm nội quy, quy chế sinh viên ngoại trú.	5 điểm		
2.5. Có sáng kiến.	5 điểm		
2.6. Đóng học phí và lệ phí đầy đủ đúng thời hạn.	5 điểm		
<b>III. Đánh giá ý thức việc tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, xã hội, văn hoá, văn thể và phòng chống các TNXH</b>	<b>20 điểm</b>		
3.1. Hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.	5 điểm		
3.2. Tích cực tham gia các buổi sinh hoạt lớp	5 điểm		
3.3. Không vi phạm các quy định về phòng, chống tội phạm, ma tuý và các tệ nạn xã hội.	5 điểm		
3.4. Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao.	5 điểm		
<b>I.V. Đánh giá phẩm chất công dân, quan hệ cộng đồng</b>	<b>15 điểm</b>		
4.1. Gương mẫu, chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.	5 điểm		
4.2. Tham gia các hoạt động vì cộng đồng.	5 điểm		
4.3. Có tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình.	5 điểm		
<b>V. Đánh giá về ý thức tham gia phụ trách lớp, Đoàn thể, hoạt động NCKH</b>	<b>10 điểm</b>		
5.1. Cán bộ Đoàn - Hội cấp trường, ủy viên BCH Liên chi Đoàn, cán bộ lớp, cán bộ chi đoàn, thành viên các CLB.	5 điểm		
5.2. Đội thanh niên xung kích, sinh viên tham gia đội tuyển.	5 điểm		
5.3. Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường trở lên	10 điểm		
<b>Tổng điểm:</b>	<b>100 điểm</b>		

Chữ ký của sinh viên

Cán bộ lớp

Giáo viên chủ nhiệm